

Số: /2020/NQ-HĐND

Lạng Sơn, ngày 14 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Phê chuẩn Đề án phát triển giao thông nông thôn tỉnh Lạng Sơn
giai đoạn 2021 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 141/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc phê chuẩn Đề án phát triển giao thông nông thôn tỉnh Lạng
Sơn giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội
đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn Đề án phát triển giao thông nông thôn tỉnh Lạng Sơn
giai đoạn 2021 - 2025, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp, kết hợp xây dựng mới đồng bộ mạng
lưới giao thông nông thôn (sau đây viết tắt là GTNT) của tỉnh đạt tiêu chuẩn kỹ
thuật đáp ứng yêu cầu phát triển phục vụ có hiệu quả chương trình mục tiêu
quốc gia xây dựng nông thôn mới. Nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, thu
hẹp khoảng cách nâng cao đời sống của đồng bào vùng nông thôn, vùng dân tộc
thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

Đến hết năm 2025 đạt 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã được
rải nhựa hoặc bê tông, 80% số thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng
hóa; nâng tỷ lệ cứng hóa 04 loại đường GTNT đạt tối thiểu 60%. Trong đó ưu
tiên hoàn thành tiêu chí số 02 về giao thông của 115 xã trong Chương trình mục
tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

Giai đoạn 2021-2025 cứng hóa thêm được 1.750km mặt đường GTNT các loại (tương ứng mỗi năm cứng hóa được 350km), nâng tổng số mặt đường GTNT được cứng hóa đến hết năm 2025 đạt 6.705km/11.011km (đạt tỷ lệ 60,89%). Đến hết năm 2025, tổng số thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hóa đạt 1.308 thôn /1.635 thôn (đạt tỷ lệ 80%), cụ thể như sau:

- Đường trục xã: giai đoạn 2021-2025 cứng hoá thêm được 425km, nâng tổng chiều dài đường trục xã được cứng hóa đến hết năm 2025 là 1.758km/2.699km (đạt tỷ lệ 65%).

- Hệ thống đường trục thôn: giai đoạn 2021-2025 cứng hóa thêm được 575km, nâng tổng chiều dài đường trục thôn được cứng hóa đến hết năm 2025 là 1.965km/3.300km (đạt tỷ lệ 60%).

- Hệ thống đường ngõ xóm: giai đoạn 2021-2025 cứng hóa thêm được 675km, nâng tổng chiều dài đường ngõ xóm được cứng hóa đến hết năm 2025 là 2.807km/4.666km (đạt tỷ lệ 60%).

- Hệ thống đường trục chính nội đồng: giai đoạn 2021-2025 cứng hóa thêm được 75km, nâng tổng chiều dài đường trục chính nội đồng được cứng hóa đến hết năm 2025 là 174km/346km (đạt tỷ lệ 50%).

3. Nguyên tắc

- Việc quản lý, đầu tư phát triển mạng lưới GTNT do cấp xã chủ động, chịu trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Trường hợp cấp xã không đủ năng lực thực hiện Ủy ban nhân dân huyện, thành phố có trách nhiệm giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Ban Quản lý dự án huyện thực hiện hoặc hướng dẫn, tăng cường cán bộ chuyên môn giúp cấp xã thực hiện nhiệm vụ, tuy nhiên phải đảm bảo điều kiện không được tính các chi phí tư vấn, quản lý dự án để phát huy tối đa hiệu quả nguồn vốn huy động.

- Phát triển đường GTNT với phương châm “dân làm, Nhà nước hỗ trợ”, trong đó Nhà nước hỗ trợ các loại vật tư, vật liệu chủ yếu gồm xi măng, cát, đá hoặc sỏi đổ bê tông (đối với mặt đường bê tông xi măng); đối với các tuyến gia cố nền đường bằng tro bay, tro xỉ, phụ gia, mặt đường đá dăm láng nhựa, sẽ được hỗ trợ toàn bộ vật liệu chính, hỗ trợ chi phí máy, hỗ trợ thi công; hỗ trợ chi phí quản lý, giám sát, hướng dẫn kỹ thuật, thanh quyết toán công trình...

- Đối tượng hỗ trợ: hệ thống đường giao thông nông thôn theo tiêu chí nông thôn mới, bao gồm: (1) đường trục xã; (2) đường trục thôn; (3) đường ngõ xóm; (4) đường trục chính nội đồng trong giai đoạn từ 2021 đến hết 2025. Phân mặt đường các tuyến đường trục xã, trục thôn, đường ngõ xóm và đường trục chính nội đồng. Các hạng mục khác như: nền đường, cầu, ngầm, rãnh thoát nước không tính hỗ trợ đầu tư trong Đề án này.

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ đối với đường trục xã; ngân sách huyện hỗ trợ đối với đường trục thôn, đường ngõ xóm, đường nội đồng.

- Các công trình do cấp xã, thôn tổ chức huy động cộng đồng dân cư, nhóm thợ, đơn vị thi công để tổ chức thực hiện, có sự kiểm soát của Nhà nước về kỹ thuật, vật tư, vật liệu.

- Nhân dân tự nguyện hiến đất, giải phóng mặt bằng, đóng góp phần vật liệu còn lại cùng tổ chức thi công xây dựng công trình.

4. Cơ chế thực hiện đầu tư

- Trình tự, thủ tục đầu tư công trình GTNT thực hiện theo Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình GTNT trên địa bàn tỉnh.

- Đối với những công trình có quy mô kỹ thuật đơn giản, không phức tạp sử dụng “Thiết kế mẫu đường GTNT”; được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Đối với những công trình có các hạng cầu, ngầm, cống, kè, rãnh thoát nước và các công trình phụ trợ khác chủ đầu tư phải lồng ghép các nguồn vốn triển khai thực hiện đồng bộ đảm bảo yêu cầu khai thác, sử dụng. Khuyến khích sự đóng góp và tự tổ chức thi công của nhân dân theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

- Thực hiện giám sát cộng đồng (các huyện, thành phố cử cán bộ kỹ thuật của phòng chuyên môn tham gia giám sát cùng cộng đồng dân cư).

5. Cơ chế hỗ trợ

a) Đường trục xã: ngân sách tỉnh hỗ trợ

- Mặt đường bê tông xi măng

- + Hỗ trợ vật liệu: hỗ trợ 100% vật liệu xi măng, cát, đá hoặc sỏi để xây dựng mặt đường bê tông xi măng.

- + Hỗ trợ thi công: đối với các xã khu vực III và các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới an toàn khu hỗ trợ 70% chi phí thi công (nhân công, máy, vật liệu phụ); các xã khu vực II hỗ trợ 50% chi phí thi công (nhân công, máy, vật liệu phụ); các xã khu vực I hỗ trợ 30% chi phí thi công (nhân công, máy, vật liệu phụ).

- Mặt đường láng nhựa (sử dụng các chất gia cố: xi măng, tro bay, tro xỉ, phụ gia để gia cố nền, mặt đường được láng nhựa, nhũ tương hoặc cacboncor).

- + Hỗ trợ vật liệu: hỗ trợ 100% vật liệu tro bay, tro xỉ, xi măng, nhựa đường, đá để gia cố nền và làm mặt đường.

- + Hỗ trợ thi công: hỗ trợ 100% chi phí máy thi công. Đối với các xã khu vực III và các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới an toàn khu hỗ trợ 70% chi phí thi công (nhân công, vật liệu phụ); các xã khu vực II hỗ trợ 50% chi phí thi công (nhân công, vật liệu phụ); các xã khu vực I hỗ trợ 30% chi phí thi công (nhân công, vật liệu phụ).

b) Đường trục thôn: ngân sách huyện hỗ trợ

- Mặt đường bê tông xi măng

+ Hỗ trợ vật liệu: hỗ trợ 100% vật liệu xi măng, cát, đá hoặc sỏi để xây dựng mặt đường bê tông xi măng.

+ Hỗ trợ thi công: không hỗ trợ thi công đường trục thôn. Phần thi công do cộng đồng dân cư chủ động huy động, đóng góp... tự tổ chức thực hiện.

- Mặt đường láng nhựa (sử dụng các chất gia cố: xi măng, tro bay, tro xỉ, phụ gia để gia cố nền, mặt đường được láng nhựa, nhũ tương hoặc cacboncor).

+ Hỗ trợ vật liệu: hỗ trợ 100% vật liệu tro bay, tro xỉ, xi măng, nhựa đường, đá để gia cố nền và làm mặt đường.

+ Hỗ trợ thi công: hỗ trợ 100% chi phí máy thi công. Các chi phí nhân công, vật liệu phụ do cộng đồng dân cư chủ động huy động, đóng góp... tự tổ chức thực hiện.

c) Đường ngõ xóm và đường trục chính nội đồng:

Ngân sách huyện hỗ trợ toàn bộ xi măng. Các chi phí: cát, đá, nhân công, vật liệu phụ do cộng đồng dân cư chủ động huy động, đóng góp... tự tổ chức thực hiện.

d) Hỗ trợ chi phí khác

Nhà nước hỗ trợ các khoản chi khác cho đường trục xã, trục thôn gồm: tư vấn kỹ thuật, quản lý tiến độ, chất lượng thi công, lập hồ sơ dự toán công trình, lập hồ sơ thanh quyết toán,... với giá trị tối đa bằng 5% tổng dự toán được duyệt, tuy nhiên không quá 150 triệu/1 công trình.

đ) Đóng góp của nhân dân: tự nguyện hiến đất, giải phóng mặt bằng, đóng góp phần vật liệu còn lại và tự tổ chức thi công xây dựng công trình (thi công nền đường, đắp lề đường, rãnh thoát nước và đổ bê tông mặt đường, duy tu bảo dưỡng thường xuyên đường).

e) Cơ chế giám sát: thực hiện giám sát cộng đồng (các huyện, thành phố cử cán bộ kỹ thuật của phòng chuyên môn tham gia giám sát cùng cộng đồng dân cư).

6. Nhu cầu vốn đầu tư: Khối lượng thực hiện cho cả giai đoạn 2021-2025 là 1.750Km đường với tổng kinh phí 925,4 tỷ đồng, cụ thể như sau:

TT	Loại đường	Khối lượng (Km)	Kinh phí (tỷ đồng)
1	Đường trục xã	425	356,3
2	Đường trục thôn	575	366,7
3	Đường ngõ, xóm	675	168,0
4	Đường trục chính nội đồng	75	34,4
	Tổng cộng	1.750	925,4

Cơ cấu vốn cụ thể như sau: vốn ngân sách hỗ trợ là 628,77 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 68%, vốn huy động khác là 296,60 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 32%.

7. Nguồn vốn và phân cấp vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ: Tổng vốn nhà nước hỗ trợ giai đoạn 2021-2025 là 628,76 tỷ đồng, cụ thể như sau:

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ cả giai đoạn là 311,73 tỷ đồng, mỗi năm bố trí 62,35 tỷ đồng để hỗ trợ xây dựng đường trục xã, gồm:

- Nguồn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 hỗ trợ 150 tỷ đồng, tương ứng 30 tỷ đồng/năm.

- Bố trí từ nguồn chi khác ngân sách tỉnh là 75,0 tỷ đồng, tương ứng 15,0 tỷ đồng/năm.

- Các nguồn hợp pháp khác hỗ trợ 86,0 tỷ đồng, tương ứng 17,2 tỷ đồng/năm.

b) Ngân sách huyện hỗ trợ cả giai đoạn là 317,03 tỷ đồng, mỗi năm trung bình 63,41 tỷ đồng để hỗ trợ cho các tuyến đường trục thôn, ngõ xóm, trục chính nội đồng, bình quân mỗi huyện 6,3 tỷ đồng/năm, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách huyện hỗ trợ 3,0 tỷ đồng/năm cho xi măng.

- Các nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn dự phòng, nguồn chi khác ngân sách huyện và các nguồn hợp pháp khác hỗ trợ cát, đá, thi công và chi phí khác là 3,3 tỷ đồng/năm.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khoá XVI, kỳ họp thứ hai mươi thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC, GTVT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- C, PCVP, các CV Văn phòng HĐND tỉnh;
- Báo Lạng Sơn, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Nghiệm